GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **154** /QĐ-HĐTS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Vĩnh Long Nhiệm kỳ I (2026 - 2031)

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- *Căn cứ Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo;*
- *Căn cứ Công văn 1191/SDTTG-TG ngày 14/05/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Vĩnh Long;*
- *Căn cứ Tờ trình số 03/TTr-BTS ngày 25/05/2026 của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Vĩnh Long về việc đề nghị chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ I (2026-2031).*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ I (2026-2031), gồm 24 thành viên Chứng minh Ban Trị sự; 10 thành viên Chứng minh Phân Ban Ni giới; 105 thành viên Ban Trị sự *(Ban Thường trực 35 vị, Ủy viên 60 vị, Ủy viên dự khuyết 10 vị)* do Hòa thượng Thạch Sok Xane làm Trưởng ban.

Điều 2: Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, Chánh Văn phòng 2 Trung ương GHPGVN, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Vĩnh Long và các vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Bộ DTTG, Ban TGCP;
- UBND tỉnh Vĩnh Long;
- UBMTTQVN tỉnh Vĩnh Long;
- Sở DTTG tỉnh Vĩnh Long;
- PA02 CA tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VP1, VP2.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0020
Số: 154/QĐ-HĐTS · 04/06/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH VĨNH LONG
NHIỆM KỲ I (2026-2031)

(Theo Quyết định số 154 /QĐ-HĐTS ngày 04/06/2026)

A. CHỨNG MINH BAN TRỊ SỰ: 24 vị.

1. Trưởng lão Hòa thượng Thích Giác Giới
2. Trưởng lão Hòa thượng Thích Như Tước
3. Trưởng lão Hòa thượng Thích Thiện Thông
4. Trưởng lão Hòa thượng Sơn Tơn
5. Trưởng lão Hòa thượng Thích Phước Tú
6. Trưởng lão Hòa thượng Thích Lệ Đức
7. Trưởng lão Hòa thượng Thích Lệ Linh
8. Trưởng lão Hòa thượng Thích Huệ Tấn
9. Hòa thượng Thạch Sên
10. Hòa thượng Thạch On
11. Hòa thượng Thích Phước Minh
12. Hòa thượng Thích Viên Minh
13. Hòa thượng Thích Tâm Linh
14. Hòa thượng Thạch Oai
15. Hòa thượng Kim Thone
16. Hòa thượng Thạch Son
17. Hòa thượng Thích Huệ Ngộ
18. Hòa thượng Thích Nhựt Tấn
19. Hòa thượng Thích Thiện Thanh
20. Hòa thượng Thích Phước Tồn
21. Hòa thượng Thích Phước Hùng
22. Hòa thượng Thích Giác Sơn.
23. Hoà thượng Thích Huệ Pháp
24. Hoà thượng Sơn Triều

B. CHỨNG MINH PHÂN BAN NI GIỚI: 10 vị.

1. Ni trưởng Thích nữ Sâm Liên
2. Ni trưởng Thích nữ Như Thiền.

3. Ni trưởng Thích nữ Trí Tiên
4. Ni trưởng Thích nữ Như Hương.
5. Ni trưởng Thích nữ Như Ngọc
6. Ni trưởng Thích nữ Như Tâm
7. Ni trưởng Thích nữ Như Chơn.
8. Ni trưởng Thích nữ Như Quang
9. Ni trưởng Thích nữ Như Đán
10. Ni trưởng Thích nữ Như Minh

C. BAN TRỊ SỰ: 105 thành viên.

I. Ban Thường trực: 35 vị.

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**HT. Candasiri** (Thạch Sok Xane)	1950	Trưởng ban Ban Trị sự; Phụ trách Tăng sự
2	**HT. Thích Trí Minh** (Lâm Hoài Khung)	1964	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Trị sự
3	**TT. Thích Lệ Lạc** (Phạm Văn Chọn)	1960	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Trị sự
4	**TT. Thích Trí Thọ** (Nguyễn Thành Chung)	1972	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Trị sự
5	**HT. Candajjoto** (Sơn Ngọc Huynh)	1965	Phó Trưởng ban Ban Trị sự; Phụ trách Nam tông Khmer khu vực Vĩnh Long cũ
6	**HT. Thích Thiện Trí** (Ngô Ngọc Hải)	1962	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
7	**HT. Aggadhammo** (Kim Ngọc Toàn)	1964	Phó Trưởng ban Ban Trị sự; Phụ trách Nam tông Khmer khu vực Trà Vinh cũ
8	**TT. Thavaradhammo** (Thạch Thưa)	1970	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
9	**TT. Thích Thanh Mẫn** (Nguyễn Văn Hùng)	1972	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
10	**ĐĐ. Thích Trí Thuận** (Hồ Thanh Vũ)	1980	Phó Trưởng ban Ban Trị sự,
11	**TT. Thích Tâm Khiết** (Nguyễn Văn Thơm)	1975	Chánh Thư ký Ban Trị sự
12	**ĐĐ. Thích Minh Tuấn** (Nguyễn Tuấn Thanh)	1985	Phó Chánh Thư ký – Chánh Văn phòng Ban Trị sự Phụ trách Văn hoá - Nghi lễ

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
13	**ĐĐ. Thích Minh Trí** (Nguyễn Thái Dương)	1990	Phó Chánh Thư ký Ban Trị sự; Phụ trách Thông tin Truyền thông
14	**ĐĐ. Thích Đức Tín** (Lê Hoài Thanh)	1994	Phó Chánh Thư ký Ban Trị sự
15	**TT. Thích Minh Đạo** (Võ Tấn Thành)	1959	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự; Phụ trách Hoằng pháp và Hướng dẫn Phật tử
16	**TT. Thích Trung San** (Nguyễn Văn Út)	1968	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự; Phụ trách Giáo dục Phật giáo
17	**ĐĐ. Thích Huệ Thắng** (Trương Văn Hiệp)	1973	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự; Phụ trách Pháp chế và Kiểm soát
18	**ĐĐ. Thích Tánh Bình** (Nguyễn Minh Hải)	1982	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự; Phụ trách Phật giáo Quốc tế
19	**TT. Thích Thiện Tài** (Bùi Văn Tăng)	1977	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự; Phụ trách Kinh tế Tài chánh - Từ thiện Xã hội
20	**NT. Thích nữ Như Hải** (Lâm Thị Hà)	1959	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự, Phụ trách Phân ban Ni giới
21	**NS. Thích nữ Như Nguyệt** (Huỳnh Thị Ngoạt)	1964	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự; Thủ quỹ
22	**HT. Giác Giới** (Phạm Thành Giới)	1961	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự; Phụ trách Nam Tông Kinh
23	**ĐĐ. Thích Minh Viên** (Phạm Bá Thành)	1986	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự; Phụ trách Hệ phái Khất sĩ
24	**TT. Thích Minh Nhựt** (Nguyễn Văn Bảnh)	1967	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự
25	**TT. Thích Phước Hạnh** (Nguyễn Công Dũng)	1974	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự
26	**TT. Thích Phước Nguyên** (Huỳnh Văn Phối)	1968	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự
27	**TT. Thích Thiện Tâm** (Hoàng Thạch Dũng)	1971	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự
28	**TT. Thích Long Vân** (Nguyễn Xuân Phong)	1973	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự
29	**TT. Thích Minh Độ** (Lê Hoàng Hão)	1979	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự
30	**ĐĐ. Viriyapalo** (Sơn Kene)	1979	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự
31	**TT. Thích Thiện Hạnh** (Nguyễn Phước Thẩm)	1972	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự
32	**ĐĐ. Thích Trí Toàn** (Dương Phước Lộc)	1994	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
33	**ĐĐ. Thích Minh Bình** (Phạm Hoàng An)	1994	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự
34	**ĐĐ. Thích Huệ Nghiêm** (Nguyễn Trường Giang)	1987	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự
35	**NS. Thích nữ Như Thức** (Võ Thị Bé Năm)	1965	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự

II. Ủy viên Ban Trị sự: 60 Vị

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**TT. Tapodharo** (Thạch Rương)	1970	Ủy viên
2	**TT. Suvanthera** (Thạch Thảo)	1969	Ủy viên
3	**TT. Thích Tâm Chơn** (Trần Thanh Tuyền)	1967	Ủy viên
4	**TT. Thích Huệ Hùng** (Phạm Minh Hùng)	1973	Ủy viên
5	**TT. Viriyadhammo** (Trương Văn Biển)	1964	Ủy viên
6	**TT. Thích Trí An** (Bùi Văn Phong)	1971	Ủy viên
7	**TT. Gandhadhammo** (Thạch Sa Vane)	1967	Ủy viên
8	**TT. KalyanaJayo** (Thạch Thanh Huyền)	1973	Ủy viên
9	**TT. Jayaseno** (Kim Mạnh)	1974	Ủy viên
10	**TT. Thích Trí Thiện** (Nguyễn Văn Châu)	1961	Ủy viên
11	**TT. Thích Phước Dưỡng** (Lê Thành Tiến)	1974	Ủy viên
12	**TT. Thích Thiện Duyên** (Dương Văn Sang)	1976	Ủy viên
13	**TT. Thích Mật Tịnh** (Phùng Văn Trọng)	1975	Ủy viên
14	**TT. Tăng Phước** (Thạch Bước)	1972	Ủy viên
15	**ĐĐ. Hộ Trí** (Lâm Tiên)	1986	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
16	**ĐĐ. Thích Huệ Chiếu** (Võ Phúc Trí)	1986	Ủy viên
17	**ĐĐ. Thích Như Đạt** (Nguyễn Thanh Hùng)	1987	Ủy viên
18	**ĐĐ. Thích Thiện Hải** (Nguyễn Văn Út)	1980	Ủy viên
19	**ĐĐ. Citivaro** (Thạch Đa Ra)	1981	Ủy viên
20	**ĐĐ. Jutidatto** (Thạch Sô Phol)	1977	Ủy viên
21	**ĐĐ. Thích Phước Nguyện** (Lê Lâm Thành)	1976	Ủy viên
22	**ĐĐ. Thích Thiện Đạo** (Cao Hồng Phúc)	1983	Ủy viên
23	**ĐĐ. Thích Minh Hiếu** (Đặng Văn Phụng)	1977	Ủy viên
24	**ĐĐ. Thích Khánh Huệ Chí** (Nguyễn Thanh Tri)	1986	Ủy viên
25	**ĐĐ. Thích Thiện Lộc** (Lê Chí Phước)	1991	Ủy viên
26	**ĐĐ. Thích Trí Thanh** (Mai Văn Mười)	1981	Ủy viên
27	**ĐĐ. Thích Viên Hòa** (Nguyễn Tấn Phong)	1996	Ủy viên
28	**ĐĐ. Thích Minh Hải** (Hồ Công Tường)	1968	Ủy viên
29	**ĐĐ. Thích Phước Chí** (Nguyễn Văn Gai)	1975	Ủy viên
30	**ĐĐ. Thích Phước Minh** (Nguyễn Thanh Long)	1971	Ủy viên
31	**ĐĐ. Thích Tánh Nhàn** (Lê Hoàng Dũng)	1984	Ủy viên
32	**ĐĐ. T. Đạt Ma Chí Thục** (Phan Văn Long)	1973	Ủy viên
33	**ĐĐ. Thích Đồng Phương** (Phan Tuyết Cường)	1992	Ủy viên
34	**ĐĐ. Thích Vạn Bình** (Trần Thanh Quân)	1990	Ủy viên
35	**ĐĐ. Thích Minh Lực** (Trần Thanh Lượm)	1986	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
36	**ĐĐ. Thích Xuân Nguyện** (Huỳnh Văn Thắng)	1983	Ủy viên
37	**ĐĐ. Thích Quảng Tâm** (Lê Quang Trường)	1980	Ủy viên
38	**ĐĐ. Thích Quảng Thuận** (Nguyễn Văn Trầm)	1983	Ủy viên
39	**ĐĐ. Thích Thiện Tâm** (Lê Tấn Đạt)	1983	Ủy viên
40	**ĐĐ. Thích Minh Thịnh** (Lê Đại Hành)	1979	Ủy viên
41	**ĐĐ. Thích Phước Văn** (Nguyễn Văn Phi)	1971	Ủy viên
42	**ĐĐ. Thích Tâm Thông** (Dương Thanh Xuân)	1979	Ủy viên
43	**ĐĐ. Thích Tâm Đạo** (Dương Tấn Duy)	1981	Ủy viên
44	**ĐĐ. Thích Minh Tâm** (Võ Văn Hải Trường)	1985	Ủy viên
45	**ĐĐ. Thích Nghiêm Trí** (Nguyễn Phước Hải)	1984	Ủy viên
46	**ĐĐ. Thích Khánh Duy** (Lương Trọng Hiếu)	1991	Ủy viên
47	**ĐĐ. Thích Tâm Phúc** (Nguyễn Hoàng Phúc)	1996	Ủy viên
48	**ĐĐ. Thích Quảng Thông** (Nguyễn Thanh Truyền)	1993	Ủy viên
49	**ĐĐ. Thích Thiện Phổ** (Lê Hoàng Minh)	1988	Ủy viên
50	**ĐĐ. Kalyanavaro** (Thạch Hoàng Phúc)	1992	Ủy viên
51	**ĐĐ. Pantitacchando** (Thạch Si Sa Vách)	1981	Ủy viên
52	**NS. Thích nữ Như Uyên** (Lê Thị Sa)	1966	Ủy viên
53	**NS. Thích nữ Chúc Nghiêm** (Nguyễn Thị Thanh Diệu)	1974	Ủy viên
54	**NS. Thích nữ Như Phước** (Nguyễn Thị Oanh)	1964	Ủy viên
55	**NS. Thích nữ Như Vạn** (Nguyễn Thị Tố Nga)	1964	Ủy viên
56	**SC. Thích nữ Huệ Minh** (Trần ThỦy Tiên)	1974	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
57	**NS. Thích nữ Đức Quang** (Phan Thị Bạch Nga)	1971	Ủy viên
58	**NS. Thích nữ Nhựt Thiền** (Nguyễn Thị Mười Hai)	1973	Ủy viên
59	**SC. Thích nữ Diệu Trí** (Đặng Thị Như Ý)	1992	Ủy viên
60	**Phật tử Thiện Trí** (Lê Quốc Tuấn)	1969	Ủy viên

III. Ủy viên Dự khuyết: 10 vị

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**Thượng tọa Bhrahmarato** (Thạch Hùng)	1973	Ủy viên dự khuyết
2	**ĐĐ. Thích Minh Thành** (Nguyễn Văn An)	1983	Ủy viên dự khuyết
3	**ĐĐ. Thích Lệ Hùng** (Lâm Minh Dũng)	1988	Ủy viên dự khuyết
4	**ĐĐ. Thích Phước Hoàng** (Đặng Minh Phụng)	1990	Ủy viên dự khuyết
5	**ĐĐ. Thích Thanh Toàn** (Trần Mạnh Hiệp)	1990	Ủy viên dự khuyết
6	**ĐĐ. Thích Xuân Trí** (Mai Minh Tâm)	1980	Ủy viên dự khuyết
7	**ĐĐ. Thích Thiện Tấn** (Nguyễn Quốc Dương)	1992	Ủy viên dự khuyết
8	**ĐĐ. Thích Thiện Tài** (Phạm Tấn Nghề)	1985	Ủy viên dự khuyết
9	**ĐĐ. Thích Trí Thanh** (Hà Trần Nhã)	1993	Ủy viên dự khuyết
10	**ĐĐ. Thích Trí Thành** (Lê Thanh Hồng)	1994	Ủy viên dự khuyết

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0020
Số: 154/QĐ-HĐTS · 04/06/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc